

Số: /BC-UBND

Minh Long, ngày tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư 12/2022/TT-BNNPTNT

Thực hiện Công văn số 2493/SNNPTNT ngày 10/6/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo kết quả Tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư 12/2022/TT-BNNPTNT. UBND huyện MINH LONG báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THÔNG TƯ 12/2022/TT-BNNPTNT

##### I. THÔNG TIN CHUNG TIỂU DỰ ÁN 3 (gọi tắt là TDA)

##### 1. Thông tin về địa bàn thực hiện TDA tại huyện

##### 1.1. Thời gian bắt đầu triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 (TDA)

trên địa bàn huyện (sau khi có Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021):

Căn cứ Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, UBND tỉnh ban hành

Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Quyết định số 866/QĐ-UBND

ngày 08/8/2022.

##### 1.2. Số xã khu vực II, III tham gia (có thực hiện các hỗ trợ của) TDA từ năm 2021 đến 2023 trên số xã khu vực II, III có diện tích rừng thuộc phạm

vi thực hiện TDA theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, số lượng các xã khu vực II, III vùng DTTS và MN

Huyện Minh Long thực hiện TDA tại 03 xã (khu vực III) và 02 xã (khu vực I) có diện tích rừng thuộc phạm vi thực hiện TDA theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Phê duyệt danh sách các xã khu vực II, khu vực III, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

##### 2. Khái quát về hiện trạng rừng, chỉ tiêu, nhiệm vụ

a) Diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang quản lý: 18.735,32 ha

Tổng diện tích rừng và đất quy hoạch phòng hộ: 9.798,70 ha, thuộc địa bàn: 05 xã trong đó:

Diện tích đất có rừng: 8.790,52 ha.

- Diện tích rừng tự nhiên: 8.338,60 ha.

- Diện tích rừng trồng: 451,92 ha.

+ Rừng trồng bằng vốn ngân sách các chương trình, dự án hiện đang trên lâm phần quản lý là: 203,00 ha.

+ Rừng trồng người dân trong quy hoạch: 248,92 ha.

- Rừng trồng chưa thành rừng: 317,32 ha.

- Diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp (không bao gồm diện tích rừng trồng chưa thành rừng: 690,86ha.

+ Diện tích cây gỗ tái sinh: 344,84 ha.

+ Diện tích khác: 346,02 ha.

## **1. Chính sách áp dụng triển khai thực hiện TDA**

### ***1.1. Hệ thống văn bản ban hành***

#### *a) Trung ương*

- Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

#### *b) Văn bản địa phương*

- Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh  
Sửa  
đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân  
bổ

nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương  
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng  
bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai  
đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số  
09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Quảng Ngãi

- Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Kế  
hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội  
vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030,  
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo  
dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã  
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh  
Quảng Ngãi.

## ***1.2. Đánh giá về nội dung chính sách được quy định***

### ***a) Đánh giá chung***

Trong quá trình triển khai TDA đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của  
cấp ủy, chính quyền các cấp, sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành;  
Diện tích rừng được nhận hỗ trợ theo TDA thì công tác bảo vệ rừng được thực  
hiện tốt, góp phần cải thiện cuộc sống cho hộ gia đình thông qua nhận nhận  
khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, thu hái lâm sản ngoài gỗ thu hái dưới  
tán rừng nhận khoán bảo vệ, giao rừng để bảo vệ rừng; Tạo được mối liên kết  
gắn bó giữa người dân với chủ rừng; Tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức,  
trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững  
tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là  
trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp  
phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát  
triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

### ***b) Đánh giá kết quả thực hiện***

Tiêu dự án 1 – Dự án 3 có 06 nội dung<sup>1</sup>, gồm: Hỗ trợ khoán bảo vệ  
rừng;  
hỗ trợ bảo vệ rừng; Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ  
sung; Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ;  
Hỗ  
trợ trồng rừng phòng hộ; Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng; tuy nhiên,  
trong 3 năm, từ năm 2021-2023, trên địa bàn huyện chỉ thực hiện 02 nội dung,  
gồm: **Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ bảo vệ rừng**. Về định mức, đối tượng,  
trình tự thủ tục,.... Tùy theo từng thời điểm, việc phân bổ, thực hiện đảm bảo

Điều 17 đến Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. theo các văn bản hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022; Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022; số 55/2023/TTBTC ngày 15/8/2023 và các văn bản liên quan.

*b) Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát:*

Thực hiện việc kiểm tra giám sát quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 25/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, nội dung thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3, UBND huyện giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị để phối hợp, kiểm tra và theo dõi tình hình thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3 năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Minh Long.

*c) Một số tồn tại đối với chính sách hiện hành*

- Kinh phí quản lý, kiểm tra nghiệm thu giữa các văn bản chưa có sự thống nhất, gây khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn nghiệm thu.

- Việc phê duyệt, triển khai Chương trình và việc cấp vốn còn chậm; kinh

phí thực hiện chi trả cho bên nhận khoán năm 2021 đến nay vẫn còn thiếu, gây khó khăn cho công tác tuyên truyền vận động người dân thực hiện bảo vệ rừng.

- Việc hướng dẫn quy định để xác định đối tượng hỗ trợ chưa đầy đủ, rõ ràng, phương pháp xác định, cụ thể như: **chưa quy định quy định việc xác định đối tượng chưa tự túc được lương thực; việc sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành chưa có sự nhất quán nên khó khăn trong việc xác định đối tượng hỗ trợ trồng rừng sản xuất,....**

*d) Đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách áp dụng trong triển khai thực hiện*

*TDA trong thời gian tiếp theo*

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung **khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung** để hỗ trợ cho các diện tích rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ.

**1.2. Đánh giá về nội dung chính sách được quy định**

*a) Đánh giá chung*

Trong quá trình triển khai TDA đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành; Diện tích rừng được nhận hỗ trợ theo TDA thì công tác bảo vệ rừng được thực

hiện tốt, góp phần cải thiện cuộc sống cho hộ gia đình thông qua nhận nhận khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, thu hái lâm sản ngoài gỗ thu hái dưới tán rừng nhận khoán bảo vệ, giao rừng để bảo vệ rừng; Tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; Tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

*b) Đánh giá kết quả thực hiện*

Tiểu dự án 1 – Dự án 3 có 06 nội dung<sup>1</sup>, gồm: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng;

hỗ trợ bảo vệ rừng; Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ; Hỗ

trợ trồng rừng phòng hộ; Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng; tuy nhiên, trong 3 năm, từ năm 2021-2023, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chỉ thực hiện 02 nội dung, gồm: **Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ bảo vệ rừng**. Về định mức, đối tượng, trình tự thủ tục,... Tùy theo từng thời điểm, việc phân bổ, thực hiện đảm bảo Điều 17 đến Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. theo các văn bản hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022; Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022; số 55/2023/TTBTC ngày 15/8/2023 và các văn bản liên quan.

*b) Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát:*

Thực hiện việc kiểm tra giám sát quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 25/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, nội dung thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3, UBND huyện giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị để phối hợp, kiểm tra và theo dõi tình hình thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3 năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Minh Long.

**2. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện**

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và

phát triển rừng để thấy rõ vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Phổ biến các văn bản liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, PCCC rừng, quản lý lâm sản và động vật hoang dã đến cộng đồng dân cư tại địa phương nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, của các cơ quan, ban ngành về ý nghĩa và tầm quan trọng trong công tác bảo vệ rừng, bảo vệ động vật hoang dã.

**2.1. Đối với nội dung khoán bảo vệ rừng:** Ban Quản lý rừng phòng hộ tổ

chức thực hiện diện tích rừng được giao; UBND cấp xã tổ chức thực hiện diện tích được giao trực tiếp quản lý theo các quy định như: Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ; các Thông tư của Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019; số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022; Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC BTC ngày 04/3/2022; số 55/2023/TTBTC ngày 15/8/2023 và các văn bản quy định liên quan.

**2.2. Đối với nội dung hỗ trợ bảo vệ rừng:** UBND các huyện thực hiện giao dự toán cho UBND cấp xã để thực hiện hỗ trợ theo các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019; số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022; Bộ trưởng Bộ Tài

chính tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC BTC ngày 04/3/2022; số 55/2023/TTBTC ngày 15/8/2023 và các văn bản quy định liên quan.

**3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ 3 năm thực hiện TDA (2021–2023)**

### **3.1. Khối lượng thực hiện trong giai đoạn 2022, 2023**

#### **3.1.1. Năm 2022:**

- Giao khoán bảo vệ rừng chuyển tiếp theo Nghị Quyết 30a của Chính phủ: 8.329,60 ha/453hộ. (Giai đoạn 2019-2023: 5.842,50 ha/316 hộ); (Giai đoạn 2020-2024: 2.487,60 ha/127 hộ).

- Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất: 291,46 ha.

#### **3.1.2. Năm 2023:**

\* Tổng diện tích hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại huyện Minh Long (Tiểu Dự án 1 – Dự án 3): 8.357,51 ha/ 451 hộ, trong đó

- Khoán bảo vệ rừng theo Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.287 ha/ 13 hộ và 08 cộng đồng;

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 4.070,51 ha/10 cộng đồng).

\* Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất: 600 ha.

### **3.2. Kinh phí năm 2022, 2023:**

*3.2.1. Đối với kinh phí năm 2022:*

- Kinh phí giao khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2019-2023: 1.950.371.000 đồng.
- Kinh phí giao khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2020-2024: 982.884.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất theo tiêu dự án 3: 120.220.000 đồng.

*3.2.2. Đối với kinh phí năm 2023:*

- Kinh phí giao khoán bảo vệ rừng theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Kinh phí giao: 1.714.800.000 đồng;
- Kinh phí giao khoán bảo vệ rừng theo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: Kinh phí giao: 1.221.153.300 đồng.
- Hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã thuộc huyện: Minh Long: **221.420.000 đồng** (theo QĐ 809/QĐ-TTg là 108.000.000 đồng và theo tiêu dự án 3 là 113.420.000 đồng).

(Có biểu 01 kèm theo)

### **III. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH VÀ NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN TDA NĂM 2024 VÀ 2025**

#### **1. Đối với kế hoạch năm 2024**

*Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng:*

- Diện tích: 8.357,51 ha.
- Nhu cầu kinh phí: 2.935.953 triệu đồng.

Hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất: 600 ha (theo QĐ 1719/QĐ-TTg là 265 ha và theo QĐ 809/QĐ-TTg là 335 ha); kinh phí thực hiện: **221.420.000 đồng**.

#### **2. Đối với kế hoạch năm 2025**

*Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng:*

- Diện tích: 8.357,51 ha.
- Nhu cầu kinh phí: 2.935.953 triệu đồng.

Hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất: 600 ha (theo QĐ 1719/QĐ-TTg là 265 ha và theo QĐ 809/QĐ-TTg là 335 ha); kinh phí thực hiện: **221.420.000 đồng**.

### **IV. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG/ẢNH HƯỞNG CỦA TDA SAU 3 NĂM THỰC HIỆN**

#### **1. Về Kinh tế**

Thông qua hoạt động khoán bảo vệ rừng các hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo và cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực I, III vùng DTTS của TDA đã góp phần hỗ trợ, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của nhân dân trong vùng TDA, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số Hre,... từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng trên địa bàn huyện.

## **2. Về xã hội**

- Đã góp phần giải quyết việc làm cho một bộ phận các hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo và cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực I, III vùng DTTS qua tham gia thực hiện TDA và thu hái lâm sản ngoài gỗ trong khu vực rừng khoán bảo vệ rừng.

- Tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; Tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn.

## **3. Về môi trường**

Góp phần tăng độ che phủ của rừng, tính đa dạng sinh học; cải thiện môi trường sinh thái; hạn chế sự xói mòn đất; giữ được nguồn nước, sinh thủy cho các hồ đập để phát triển thủy điện, thủy lợi, nông nghiệp, góp phần ứng phó biến đổi khí hậu.

## **4. Tính bền vững của các hoạt động được hỗ trợ của TDA**

Trong các năm tiếp theo, sẽ tiếp tục rà soát để mở rộng phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của TDA.

## **V. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP, ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TDA TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Đề xuất các giải pháp:**

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp chương trình kế hoạch đề ra theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, và các chương trình kế hoạch của các ban, ngành và các giải pháp theo các dự án liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **2. Kiến nghị, đề xuất:**

Kính đề nghị các cấp có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp với thực tiễn, thực tế để áp dụng hỗ trợ có hiệu quả, đảm bảo phù hợp, đúng theo quy định.

## **B. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG SỬA ĐỔI THÔNG TƯ 12/2022/TT-BNNPTNT**

1. Đề xuất các nội dung sửa đổi các quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT: “Điều chỉnh, bổ sung nội dung **khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung** để hỗ trợ cho các diện tích rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ”.



2. Đề xuất các nội dung bổ sung hướng dẫn tại Thông tư. (Có biểu số 2 kèm theo): Không có.

Ủy ban nhân dân huyện Minh Long kính báo cáo./.

*Nơi nhận:*

- Sở NN&PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đinh Thị Xuân Hương**